

Bản án số: 687/2024/DS-PT
Ngày: 05/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay,
mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Hữu Thái

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh

Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 428/2024/TLPT-
DS ngày 13/5/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 861/2023/DS-ST ngày 28/9/2023, của Tòa
án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3558/2024/QĐPT-DS
ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
10915/2024/QĐPT-DS ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Ngọc M**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số B H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông **Thái Nguyên T**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

và/hoặc

2/ Ông **Lê Đức Anh T1**, sinh năm 1997 (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: **Số C X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/5/2022)

Bị đơn: Bà **Phạm Đoàn Ngọc T2**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: **Số B N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Huỳnh Đông H**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số G N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2/ Ông **Cao Tấn T3**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số E L, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

3/ Ông **Lê Minh Đ**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số C C, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

4/ Ông **Lâm Hữu T4**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người làm chứng: Bà **Ngô Thị Hồng Y**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người kháng cáo: Bị đơn **Phạm Đoàn Ngọc T2** và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Lâm Ngọc M** là ông **Lê Đức Anh T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Lâm Ngọc M** và người đại diện theo ủy quyền là ông **Thái Nguyên T** và/hoặc ông **Lê Đức Anh T1** trình bày:*

Bà **Lâm Ngọc M** và bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** có mối quan hệ quen biết từ trước. Do cần vốn làm ăn nên từ năm 2014 đến tháng 2016, bà **T2** có vay của bà **M** tổng số tiền 16.000.000.000 đồng. Số tiền vay được giao và nhận thành nhiều lần và mỗi lần đều có lập văn bản riêng, do bà **T2** trực tiếp viết, ký tên trên mỗi giấy mượn tiền. Toàn bộ các khoản vay đều thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay không xác định mà thỏa thuận khi nào bà **M** cần lấy lại tiền thì báo cho bà **T2** trước 01 tháng. Các lần bà **T2** vay tiền cụ thể như sau:

- + Lần 1: Ngày 13/12/2014 vay số tiền 1.500.000.000 đồng
- + Lần 2: Ngày 13/01/2015 vay số tiền 500.000.000 đồng
- + Lần 3: Ngày 19/01/2015 vay số tiền 1.000.000.000 đồng
- + Lần 4: Ngày 16/03/2015 vay số tiền 2.000.000.000 đồng
- + Lần 5: Ngày 19/03/2015 vay số tiền 200.000.000 đồng
- + Lần 6: Ngày 25/05/2015 vay số tiền 1.000.000.000 đồng
- + Lần 7: Ngày 07/09/2015 vay số tiền 3.000.000.000 đồng
- + Lần 8: Ngày 30/09/2015 vay số tiền 800.000.000 đồng
- + Lần 9: Ngày 12/11/2015 vay số tiền 3.000.000.000 đồng
- + Lần 10: Ngày 01/02/2016 vay số tiền 1.500.000.000 đồng.

Trong 10 lần vay tiền trên, giữa hai bên có viết giấy nợ và giao nhận bằng tiền mặt.

+ Lần 11: Ngày 21/03/2016 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, bà M nhờ chồng là ông Cao Tấn T3 chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà T2.

Về phương thức giao nhận tiền đối với các giấy mượn tiền từ lần 1 đến lần 10 do bà T2 tự viết và ký giấy nhận tiền mặt, thời điểm giao nhận tiền chỉ có hai bên trực tiếp thực hiện không có ai chứng kiến. Đối với giấy mượn tiền lần 11 ngày 21/3/2016 vay số tiền 1.500.000.000 đồng do chồng bà M là ông Cao Tấn T3 chuyển vào tài khoản của bà T2 số 678550089 tại Ngân hàng TMCP Á. Việc bà T2 không ghi nội dung thể hiện việc đã nhận đủ tiền là do các giấy mượn tiền đều có nội dung "...Tôi có mượn của cô Lâm Ngọc M..." thể hiện rõ bà T2 đã nhận đủ tiền mặt mới viết và ký tên. Khoản tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) do bà T2 chuyển khoản vay theo giấy mượn tiền ngày 21/3/2016 do giữa bà M và bà T2 có nhiều giao dịch và thời gian đã lâu nên bà M không nhớ đã chuyển trả cho khoản vay nào nên không thể cung cấp cho Tòa án thông tin về thời gian và giao dịch chuyển trả.

Giữa năm 2018, do cần thu hồi lại số tiền cho vay nên bà M đã nhiều lần liên hệ bà T2 để yêu cầu trả tiền nhưng bà T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà. Để bảo vệ quyền lợi của mình, ngày 04/02/2020, bà M nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T2 thanh toán số tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng.

Ngày 11/12/2020, bà M nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T2 thanh toán tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 30%/năm (150% lãi suất trong hạn là 20%/năm) tạm tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày 11/12/2020 là 10.250.000.000 đồng.

Ngoài các khoản nợ gốc theo đơn khởi kiện bà M còn đưa tiền mặt cho bà T2 số tiền 7.500.000.000 đồng, trong đó 5.000.000.000 đồng giao ngày 09/11/2017 và 2.500.000.000 đồng giao ngày 10/11/2017. Tuy nhiên, bà M không có tranh chấp và yêu cầu gì liên quan đến khoản tiền mặt nêu trên.

Ngoài ra bà M trực tiếp 24 lần, (04 lần nhờ người thân và bạn đồng nghiệp) chuyển tiền tổng cộng 20.652.110.000 đồng vào các tài khoản số 67855089 tại Ngân hàng TMCP Á, tài khoản số 042003739101 của Ngân hàng TMCP N, tài khoản số 221114849278415 tại Ngân hàng TMCP X của bà T2, cụ thể như sau:

+ Số tiền 16.453.100.000 đồng, do bà M chuyển, nộp trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của bà T2 (24 lần giao dịch);

+ Số tiền 170.000.000 đồng, do ông Đặng Ngọc T5 là tài xế làm việc cho bà nhờ nộp vào tài khoản ngân hàng của bị đơn ngày 14/12/2016;

+ Số tiền 1.030.000.000 đồng, do ông **Lê Minh Đ** chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà **T2** ngày 31/07/2017 thay cho bà **M**; giữa bà **M** và ông **Đ** là bạn bè thân thiết và có mối quan hệ kinh doanh với nhau, giữa ông **Đ** và bà **T2** không có mối quan hệ hoặc quen biết nào, bà **Minh xác n** nội dung bản khai của ông **Đ** ngày 28/06/2023 là đúng sự thật

+ Số tiền 2.999.010.000 đồng, do bà **M** nhờ ông **Lâm Hữu T4** nộp vào tài khoản **Ngân hàng TMCP N** của bà **T2** ngày 16/8/2017. Ông **T4** là anh ruột của bà **M**, giữa hai bên có quan hệ vay mượn tiền trong gia đình và ông **T4** không có mối quan hệ gì với bà **T2**. Bà **Minh xác n** nội dung trình bày của ông **T4** tại bản khai ngày 28/6/2023 là đúng sự thật.

Danh sách các khoản chuyển tiền:

STT	Ngày chuyển	Tài khoản nhận	Số tiền (đồng)	Nội dung
1.	12/12/2014	ACB67855089	1.500.000.000	LAM NGOC MINH CHO PHAM DOAN NGOC THO MUON
2.	06/01/2015	ACB67855089	500.000.000	LAM NGOC MINH CT CHO THO MUON
3.	19/01/2015	ACB67855089	1.000.000.000	LAM NGOC MINH CHO THO MUON
4.	28/02/2015	VCB0421003739101	200.000.000	LAM NGOC MINH CK PHAM DOAN NGOC THO MUON
5.	22/05/2015	VCB0421003739101	300.000.000	MINH CK
6.	07/09/2015	VCB0421003739101	1.500.000.000	F/O PHAM DOAN NGOC THO //CK//BO LAM NGOC MINH
7.	07/09/2015	VCB0421003739101	500.000.000	F/O PHAM DOAN NGOC THO //CK//BO LAM NGOC MINH
8.	25/09/2015	VCB0421003739101	616.000.000	LAM NGOC MINH CK
9.	29/09/2015	VCB0421003739101	30.000.000	N.MINH NOP TIEN GD TIEN MAT

10.	12/11/2015	VCB0421003739101	2.841.000.000	F/O PHAM DOAN NGOC THO //MINH CK CHO MUON//BO LAM NGOC MINH
11.	04/02/2016	VCB0421003739101	500.000	MINH CK, THANK KIU TINH IU
12.	06/05/2016	VCB0421003739101	1.000.000.000	NGOC MINH NOP TM GD TIEN MAT
13.	09/05/2016	ACB67855089	1.000.000.000	LAM NGOC MINH CK
14.	10/10/2016	ACB67855089	49.500.000	LAM NGOC MINH - CHUYEN TIEN
15.	08/12/2016	VCB0421003739101	4.738.000.000	B/O LAM NGOC MINH CHO VAY F/O PHAM DOAN NGOC THO
16.	09/12/2016	VCB0421003739101	200.000.000	MINH CK
17.	14/12/2016	ACB67855089	170.000.000	LAM NGOC MINH CHUYEN KHOAN
18.	31/12/2016	VCB0421003739101	20.000.000	MINH CK
19.	01/04/2017	VCB0421003739101	45.000.000	MINH CK
20.	04/4/2017	VCB0421003739101	600.000	MINH CK
21.	31/7/2017	VCB0421003739101	1.030.000.000	CHUYEN TIEN NGOC MINH KHOAN VAY 1 TY CUA NGUYEN THI KIM HONG F/O PHAM DOAN NGOC THO B/O LE MINH DUC
22.	16/8/2017	VCB0421003739101	2.999.010.000	LAM HUU THIEN (LAM NGOC MINH TRATIEN VAY) GD TIEN MAT
23.	29/09/2017	VCB0421003739101	28.000.000	MINH CK
24.	05/12/2017	VCB0421003739101	4.500.000	MINH CK

25.	18/12/2017	VCB0421003739101	30.000.000	MINH CK
26.	12/02/2018	VCB0421003739101	150.000.000	CK
27.	25/05/2018	EXB221114849278451	200.000.000	MINH CK
		Tổng cộng	20.652.110.000	

Ngày 06/4/2021, bà **M** nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** chuyển trả số tiền chuyển khoản theo danh mục nêu trên số tiền tổng cộng là 20.652.110.000 đồng.

Đối với các khoản chuyển trả theo yêu cầu phản tố của bà **T2**, bà **M** không đồng ý do bà không có bất kỳ khoản vay tiền nào của bà **T2**. Số tiền bà **T2** chuyển trả 27.816.800.000 đồng là tiền thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho khoản vay 20.652.110.000 đồng nên yêu cầu phản tố của bà **T2** là không có căn cứ không có cơ sở vì không phải cần trừ nợ với bà **M**.

Đối với các khoản chuyển tiền: Ngày 08/10/2015 chuyển số tiền 58.600.000 đồng vào tài khoản **Ngân hàng TMCP N** (số tài khoản 0071000616076), với nội dung “di Sing vui ve kkk”: Đây là khoản tiền bà **T2** gửi bà để đi Singapore, nội dung đã thể hiện rõ trong sao kê, không phải thanh toán cho khoản tiền vay. Ngày 23/01/2017, chuyển số tiền 24.000.000 đồng, vào tài khoản **Ngân hàng TMCP N** (số tài khoản 0071000616076), với nội dung “Tho doi tien. thanks tinh yeu bu cha ba”: đây là khoản tiền mà bà **T2** đổi tiền mặt với bà **M**, nội dung đổi tiền đã ghi rõ trong sao kê. Ngày 07/02/2017, chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản **Ngân hàng TMCP N** (số tài khoản 0071000616076), với nội dung “tho chuyen khoan tien lai **M**”: Đây là khoản tiền lãi bà **T2** chuyển trả cho bà **M**, nội dung đã thể hiện rõ trong sao kê. Ngày 29/09/2017, nộp số tiền 490.000.000 đồng vào tài khoản **Ngân hàng TMCP Đ1** của ông **Cao Tấn T3** (số tài khoản 16810000144414), với nội dung “NOP TIEN”: Đây là tiền bà **T2** chuyển trả cho các giao dịch chuyển khoản của bà **M**. Do đó, bà **T2** yêu cầu phản tố đối với các khoản tiền trên là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/07/2023, bà nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác nhận yêu cầu khởi kiện cụ thể:

+ Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 170.000.000 đồng đã chuyển cho bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** vào tài khoản số 67855089 tại **Ngân hàng TMCP Á**.

+ Điều chỉnh thời gian tính lãi chậm trả đối với số tiền vay nợ theo các giấy mượn nợ tính từ ngày khởi kiện là ngày 04/02/2020 đến ngày mở phiên tòa

+ Buộc bị đơn bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** thanh toán: số tiền vay theo giấy mượn tiền còn nợ là 15.000.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 30%/năm tạm tính từ ngày 04/02/2020 đến ngày 25/07/2023 là 15.620547.945 đồng; số tiền chuyển khoản và nộp vào tài khoản là 40.482.110.000 đồng; tổng cộng: 51.102.657.945 đồng.

*Bị đơn bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** trình bày:*

Bà **T2** và bà **M** có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Khoản vay mượn tiền giữa bà và bà **M** là khoản vay riêng cá nhân bà không liên quan đến ông **Huỳnh Đông H** (hiện đã ly hôn). Từ năm 2014, bà có ký giấy mượn tiền theo nội dung trình bày của bà **M** để đầu tư kinh doanh với mức lãi suất 2%/tháng. Việc vay tiền được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà. Do có quan hệ thân tình nên thời điểm nhận tiền do bà **M** chuyển khoản có thể trước, sau hoặc cùng ngày với thời điểm bà ghi giấy mượn tiền. Bà không xác nhận đã nhận số tiền vay 16.000.000.000 đồng theo trình bày của bà **M** vì thực tế bà chỉ nhận số tiền là 12.457.000.000 đồng, cụ thể:

- Giấy mượn số tiền 1.500.000.000 đồng ngày 13/12/2014: bà nhận số tiền 1.500.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản vào tài khoản của bà vào ngày 12/12/2014.
- Giấy mượn số tiền 500.000.000 đồng ngày 13/01/2015: bà nhận số tiền 500.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản vào tài khoản của bà vào ngày 06/01/2015.
- Giấy mượn số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 19/01/2015: bà nhận số tiền 1.000.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản vào tài khoản của bà vào ngày 19/01/2015.
- Giấy mượn số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 16/03/2015: bà nhận số tiền 2.000.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản vào ngày 16/3/2015.
- Giấy mượn số tiền 200.000.000 đồng ngày 19/03/2015: bà nhận số tiền 200.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản vào tài khoản của bà vào ngày 28/02/2015.
- Giấy mượn số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 25/05/2015: bà chỉ nhận số tiền 300.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản và tài khoản của bà vào ngày 25/05/2015, số tiền chênh lệch 700.000.000 đồng là tiền lãi còn lại bà chưa thanh toán cho bà **M** nên yêu cầu bà ghi vào giấy mượn tiền.
- Giấy mượn tiền 3.000.000.000 đồng ngày 07/09/2015: bà nhận tổng số tiền vay 1.500.000.000 đồng và 500.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản 2 lần vào tài khoản của bà ngày 07/09/2015. Số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại là tiền lãi bà chưa thanh toán nên bà **M** yêu cầu bà

ghi vào giấy mượn tiền. Tiền lãi 1.000.000.000 đồng là khoản lãi của tổng số tiền vay 6.200.000.000 đồng trước đó, trước đó do không có tiền trả nên được ghi nhận vào giấy tờ này.

- Giấy mượn tiền 800.000.000 đồng ngày 30/09/2015: bà nhận số tiền vay 616.000.000 đồng do bà **M** chuyển vào tài khoản của bà ngày 25/09/2015. Số tiền 184.000.000 đồng còn lại là tiền lãi bà chưa thanh toán nên bà **M** yêu cầu bà ghi vào giấy mượn tiền.

- Giấy mượn tiền 3.000.000.000 đồng ngày 12/11/2015: Bà nhận số tiền vay 2.841.000.000 đồng do bà **M** chuyển khoản vào tài khoản của bà ngày 12/11/2015. Số tiền 159.000.000 đồng còn lại là tiền lãi chưa thanh toán nên bà **M** yêu cầu bà ghi vào giấy mượn tiền.

- Giấy mượn tiền 1.500.000.000 đồng ngày 01/02/2016: Bà không nhận tiền vay, số tiền 1.500.000.000 đồng là tiền lãi bà chưa thanh toán cho bà **M** nên yêu cầu bị đơn ghi vào giấy mượn tiền.

- Giấy mượn tiền 1.500.000.000 đồng vào ngày 21/03/2016, bà nhận số tiền vay 1.500.000.000 đồng do ông **Cao Tấn T3** (chồng bà **M**) chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà.

Bà xác nhận chỉ vay bà **M** số tiền 12.457.000.000 đồng và đã trả số tiền nợ gốc và tiền lãi được ghi trong các giấy mượn tiền với tổng số tiền 15.025.300.000 đồng, trong đó có 2.566.000.000 đồng là tiền lãi của 11 giấy mượn tiền. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **M**.

Bà xác định đã thanh toán toàn bộ các khoản vay của bà **M**, sau khi thanh toán xong tin tưởng bà **M** nói đã hủy các giấy mượn nợ nên bà không yêu cầu bà **M** hủy các giấy mượn nợ.

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về việc tính lãi đối với các khoản tiền theo giấy nợ và khoản tiền chuyển, nộp vào tài khoản ngân hàng của bà do bà đã trả hết khoản nợ này.

Ngoài giao dịch mượn tiền trên, giữa bà và bà **M** có quan hệ vay mượn khác thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên quá trình tố tụng bà **M** không xác nhận việc bà đã chuyển tiền thanh toán các khoản nợ cũng như việc hai bên giao nhận tiền bằng chuyển khoản ngân hàng cho các khoản nợ theo giấy nhận nợ mà cho rằng đây là khoản nợ khác giữa hai bên ngoài nội dung yêu cầu khởi kiện.

Ngày 01/02/2021, nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình của bị xâm phạm nên bà nộp đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà **Lâm Ngọc M** thanh toán toàn bộ khoản tiền bà đã chuyển khoản để cản trở nghĩa

vụ trả nợ mà bà **M** yêu cầu trong vụ án tổng cộng là 27.816.800.000 đồng, trong đó gồm:

+ Số tiền 23.046.800.000 đồng, do bà chuyển, nộp trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của bà **M** (49 lần giao dịch, trong đó 01 giao dịch nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của ông **Cao Tấn T3** là chồng bà **M** vào ngày 29/9/2017, số tiền 490.000.000 đồng); cụ thể:

STT	Ngày	Tài khoản nhận	Số tiền chuyển	Nội dung
1	04/05/2015	VCB0071000616076	150.000.000	THANK YOU KU
2	15/05/2015	VCB0071000616076	254.000.000	CAM ON TINH IU
3	18/06/2015	VCB0071000616076	93.500.000	THANK YOU TINH IU
4	13/07/2015	VCB0071000616076	72.800.000	TO MY LOVE. HUN CHUT CHUT
5	21/07/2015	VCB0071000616076	40.000.000	THANK TINH IU BU CHA BA
6	14/08/2015	VCB0071000616076	90.000.000	THANK YOU TINH YEU GD TIEN MAT
7	21/08/2015	VCB0071000616076	34.000.000	THANK YOU TINH YEU BU GD TIEN MAT
8	08/10/2015	VCB0071000616076	58.600.000	di Sing vui ve kkk
9	09/10/2015	VCB0071000616076	41.400.000	THANKS TINH YEU
10	04/01/2016	VCB0071000616076	100.000.000	THANK YOU KU GD TIEN MAT
11	26/01/2016	VCB0071000616076	3.500.000	THANKS TINH YEU BU CHA BA KKK

12	29/02/2016	VCB0071000616076	290.000.000	Thanks tinh iu bu cha ba. hun chut chut
13	22/03/2016	VCB0071000616076	336.000.000	THO CHUYEN TIEN
14	25/04/2016	BIDV16810000195999	1.800.000.000	THO CHUYEN KHOAN TRA MINH
15	25/04/2016	BIDV16810000195999	200.000.000	PHAM DOAN NGOC THO TRA TIEN
16	31/05/2016	BIDV16810000195999	711.000.000	PHAM DOAN NGOC THO CHUYEN KHOAN CHO MINH
17	14/06/2016	BIDV16810000195999	100.000.000	THO CHUYEN TIEN CHO MINH
18	30/06/2016	VCB0071000616076	200.000.000	Tho gui minh tinh iu bu cha ba
19	01/08/2016	BIDV16810000195999	1.250.000.000	THO CT CHO MINH.THANKS
20	15/08/2016	BIDV16810000195999	900.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TIEN
21	01/09/2016	BIDV16810000195999	322.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TIEN MAT
22	21/09/2016	VCB0071000616076	24.000.000	Cum on tinh yeu. hun chut chut
23	30/09/2016	BIDV16810000195999	210.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TIEN
24	07/10/2016	BIDV16810000195999	220.000.000	THO CHUYEN KHOAN MINH.

25	21/10/2016	BIDV16810000195999	500.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TIEN MAT
26	17/11/2016	BIDV16810000195999	150.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TIEN MAT
27	01/12/2016	VCB0071000616076	15.000.000	PHAM DOAN NGOC THO THANKS TINH YEU
28	23/01/2017	VCB0071000616076	24.000.000	Tho doi tien. thanks tinh yeu bu cha ba
29	07/02/2017	VCB0071000616076	300.000.000	tho chuyen khoan tien lai Minh
30	01/03/2017	VCB0071000616076	282.000.000	F/O: LAM NGOC MINH B/O: PHAM DOAN NGOC THO // THO CK MINH. CAM ON TINH YEU
31	01/03/2017	BIDV13610000003008	2.430.000.000	CHUYEN TIEP CHI NHANH BINH THANH - THO CK MINH
32	02/03/2017	BIDV13610000003008	800.000.000	CHUYEN TIEP CHI NHANH BINH THANH - THO CK
33	01/06/2017	BIDV13610000003008	404.000.000	THO CHUYEN TIEN CHO MINH
34	22/06/2017	VCB0071000616076	5.000.000	Tho ck hihi
35	26/07/2017	BIDV13610000003008	900.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TIEN

36	27/07/2017	BIDV13610000003008	100.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
37	05/09/2017	BIDV13610000003008	800.000.000	THO CK MINH
38	29/09/2017	BIDV16810000195999	244.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
39	29/09/2017	BIDV13610000003008	490.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
40	29/09/2017	BIDV16810000144414	490.000.000	NOP TIEN
41	03/10/2017	BIDV13610000003008	290.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
42	15/12/2017	BIDV16810000195999	1.500.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NT VAO TK
43	19/12/2017	VCB0071000616076	8.000.000	tho ck cam on tinh yeu bu cha ba
44	04/01/2018	BIDV13610000003008	374.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
45	12/02/2018	BIDV13610000003008	2.650.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
46	14/03/2018	BIDV13610000003008	430.000.000	PHAM DOAN NGO THO NOP TM
47	02/04/2018	VCB0071000616076	200.000.000	THO CK GD TIEN MAT
48	04/05/2018	BIDV13610000003008	1.960.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP TM
49	28/05/2018	BIDV13610000003008	200.000.000	PHAM DOAN NGOC THO

				CHUYEN KHOAN
Tổng cộng			23.046.800.000	

+ Số tiền 4.770.000.000 đồng, do ông **Huỳnh Đông H** nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của bà **M** vào ngày 16/10/2017 (số tiền 2.800.000.000 đồng) và ngày 14/3/2018 (số tiền 1.970.000.000 đồng) thay cho bà **T2**:

STT	Ngày	Tài khoản nhận	Số tiền chuyển	Nội dung
1	16/10/2017	VCB0071000616076	2.800.000.000	PHAM DOAN NGOC THO NOP// NGUOI NOP HUYNH DONG HOA GD TIEN MAT
2	14/03/2018	BIDV13610000003008	1.970.000.000	HUYNH DONG HOA F0 - LAM NGOC MINH - PHAM DOAN NGOC THO NOP TK
Tổng cộng			4.770.000.000	

Về các khoản tiền do người thân của bà **M** chuyển vào tài khoản của bà **T2**:

+ Đối với số tiền 170.000.000 đồng, do ông **Đặng Ngọc T5** chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà ngày 14/12/2016 là tiền bà **M** trả lại bà vì ngày 15/01/2016 bà đã cho bà **M** mượn 400.000.000 đồng qua việc chuyển khoản cho “Tran Thi **Tron L**”.

+ Đối với số tiền 1.030.000.000 đồng do ông **Lê Minh Đ** chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị đơn ngày 31/07/2017: Là tiền bà **H1** cho bà **M** vay và chuyển cho bà **M** vào tài khoản bà, bà đã rút tiền mặt và đưa lại cho bà **M** ngay thời điểm nhận chuyển khoản.

+ Đối với số tiền 2.999.000.000 đồng do ông **Lâm Hữu T4** nộp vào tài khoản ngân hàng của bà ngày 16/08/2017: Là tiền bà **M** trả nợ vay cho bà, vì trước đó bà có cho bà **M** vay bằng tiền mặt.

Đối với nội dung băng thu âm ngày 26/08/2018 do bà **M** giao nộp, bà không xác nhận giọng nói được thu âm là của bà, không đồng ý cung cấp mẫu

giọng nói để Tòa án giám định và từ chối tham gia đối chất với bà M, người làm chứng các vấn đề liên quan đến nội dung băng thu âm bởi vì nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là nghĩa vụ của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Tấn T3 trình bày: Ông và bà Lâm Ngọc M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2008). Ngày 21/3/2016, ông có chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản số 67855089 mở tại Ngân hàng TMCP Á; chủ tài khoản là bị đơn bà Phạm Đoàn Ngọc T2 thay cho nguyên đơn. Số tiền trên là tiền của bà M nhờ ông chuyển thay. Ngày 29/9/2017, bà T2 có nộp số tiền 490.000.000 đồng, vào tài khoản ngân hàng của ông, với nội dung “NOP TIEN”. Đây là tiền bà T2 chuyển cho bà M và ông đã chuyển trả cho bà M. Toàn bộ tài sản cho vay giữa bà M và bà T2 là tài sản riêng của bà M, ông không biết và không liên quan nên ông không có yêu cầu hay ý kiến gì đối với vụ án. Do yêu cầu công việc phải thường xuyên vắng mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đông H trình bày: Thời điểm ngày 16/10/2017, bà Phạm Đoàn Ngọc T2 có nhờ ông nộp tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng TMCP N của bà Lâm Ngọc M số tiền 2.800.000.000 đồng. Chứng từ chuyển khoản bà T2 đã trích lục trước đó hiện đang giữ bản gốc. Ông và bà M có mối quan hệ bạn bè vì là bạn thân của vợ ông là bà T2 vào thời điểm đó. Khoản tiền ông nộp vào tài khoản là giao dịch tiền mặt với nội dung “Phạm Đoàn Ngọc T2 nộp”. Toàn bộ số tiền 2.800.000.000 đồng là tài sản riêng của bà T2, ông chỉ đi chuyển khoản dùm vì bà T2 bận việc.

Ngày 14/3/2018, bà T2 có nhờ ông nộp số tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng TMCP N của bà M số tiền 1.970.000.000 đồng, chứng từ chuyển khoản bà T2 đã xin trích lục và giao cho Tòa án đang giữ bản gốc. Khoản tiền ông nộp vào tài khoản là giao dịch tiền mặt với nội dung “Phạm Đoàn Ngọc T2 nộp tiền”; toàn bộ số tiền 1.970.000.000 đồng này là khoản tiền riêng của bà T2, ông chỉ đi chuyển khoản dùm vì bà T2 bận công việc vào hôm đó. Do ông và bà T2 đã ly hôn các khoản tiền là tài sản riêng của bà T2 nên ông không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà M và yêu cầu phản tố của bà T2. Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Đ trình bày: Ngày 31/7/2017, ông chuyển tiền vào tài khoản của bà Phạm Đoàn Ngọc T2 (số tài khoản 0421003739101, mở tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H3) số tiền là

1.030.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản “CHUYEN TIEN CHO NGOC MINH KHOAN VAY 1 TY CUA NGUYEN THI KIM HONG”. Vì do ông có vay bà M số tiền 1.000.000.000 đồng để cho người quen là bà Nguyễn Thị Kim H2 mượn làm ăn. Bà M yêu cầu ông chuyển trả nhưng chuyển tiền vào tài khoản của bà T2. Do ông không quen biết bà T2, nên để tránh việc hiểu nhầm cũng như làm rõ việc ông đã trả tiền mượn nên đã ghi rõ là chuyển cho bà M “CHUYEN TIEN CHO NGOC MINH” và mục đích chuyển trả cho khoản vay 1.000.000.000 đồng ông mượn cho bà Nguyễn Thị Kim H2 là “KHOAN VAY 1 TY CUA NGUYEN THI KIM HONG”. Ông xác nhận số tiền 1.030.000.000 đồng đã chuyển trên là tiền của ông trả cho bà M và ông gửi vào tài khoản bà T2 theo yêu cầu của bà M. Việc vay mượn tiền giữa bà M và bà T2 ông không biết và không liên quan nên không có yêu cầu hay ý kiến về vụ án. Do không có quyền lợi, nghĩa vụ hay yêu cầu liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay giữa chị Lâm Ngọc M và chị Phạm Đoàn Ngọc T2 nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Hữu T4 trình bày: Ngày 16/8/2017, ông nộp số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản của bị đơn bà Phạm Đoàn Ngọc T2 (số tài khoản 0421003739101, mở tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H3) với nội dung chuyển khoản “LAM HUU THIEN (LAM NGOC MINH TRA TIEN VAY)”. Vì do lúc trước ông có mượn của bà M số tiền 3.000.000.000 đồng nên bà M yêu cầu ông chuyển tiền vào tài khoản của bà T2. Do ông không quen biết bà T2 và để tránh việc hiểu nhầm cũng như làm rõ việc ông đã trả tiền mượn nên ông đã ghi rõ họ tên của nguyên đơn “LAM NGOC MINH” và lý do chuyển khoản là “TRA TIEN VAY”, tức là trả số tiền ông đã mượn của bà M. Ông xác nhận số tiền 2.999.010.000 đồng (ngân hàng trừ phí giao dịch 990.000 đồng) đã nộp là tiền của ông trả cho bà M và ông gửi số tiền vào tài khoản bà T2 theo yêu cầu của bà M. Vì quan hệ vay mượn giữa ông và bà M đã trả xong, do đó việc vay mượn giữa bà M và bà T2 nên ông không có quyền lợi, nghĩa vụ hay yêu cầu liên quan đến tranh chấp vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng bà Ngô Thị Hồng Y trình bày: Bà và bà M là bạn bè quen biết nhau đã nhiều năm, cả hai cùng là thành viên hội phụ huynh học sinh của các con. Đối với bị đơn thì bà Y chỉ quen biết thông qua bà M. Vào nửa cuối năm 2018, bà và bà M, bà T2 gặp nhau tại một quán cà phê tại địa chỉ số C, đường B, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ này hiện nay đã đổi sang kinh doanh loại hình khác tên là Yên Mini M1). Bà T2 có xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 15.000.000.000 đồng, số tiền này bà T2 nói mượn qua nhiều đợt. Bà T2 nói sau khi nhận tiền từ bà M thì bà T2 có cho bà T6 (tôi chỉ

nhớ tên mà không quen biết người này) vay với lãi suất cao hơn để hưởng lợi từ phần tiền lãi chênh lệch. Bà T6 trả lại tiền cho bà T2 thì bà T2 không trả cho bà M mà đưa số tiền này cho chồng của bà T2 để đầu tư chứng khoán. Bà T2 giải thích do giá chứng khoán giảm nên chồng bà T2 và bà T2 không có tiền để trả lại cho bà M. Ngoài ra, bà có hỏi bà T2 có tài sản nào bảo đảm không, để bà có thể cho bà T2 vay, để bà T2 có tiền trả trước cho bà M nhưng do bà T2 không có tài sản riêng nào nên bà không cho bà T2 vay tiền. Về sau này, bà T2 có trả cho bà M số tiền này hay không thì bà không biết. Do bà không có bất kỳ yêu cầu hay tranh chấp nào đối với bà M và bà T2 nên kính đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 861/2023/DS-ST ngày 28/9/2023, của Tòa án nhân dân Quận 1 đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 95, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 256, Điều 280, khoản 4 Điều 281, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc M yêu cầu buộc bà Phạm Đoàn Ngọc T2 trả lại số tiền 170.000.000 đồng do ông Đặng Ngọc T5 chuyển vào tài khoản số 67855089 của bà Phạm Đoàn Ngọc T2 vào ngày 14/12/2016 tại ngân hàng TMCP Á.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Đoàn Ngọc T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Ngọc M số tiền nợ gốc là 15.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 07/3/2020 đến ngày 28/9/2023 là 4.808.219.178 đồng của 11 giấy mượn tiền đề ngày 13/12/2014, ngày 13/01/2015, ngày 19/01/2015, ngày 16/03/2015, ngày 19/3/2015, ngày 25/5/2015, ngày 07/9/2015, ngày 30/9/2015, ngày 12/11/2015, ngày 01/02/2016, ngày 21/3/2016 tổng cộng là 19.808.219.178 (Mười chín tỷ tám trăm lẻ tám triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Đoàn Ngọc T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Ngọc M số tiền 20.482.110.000 (hai mươi tỷ bốn trăm tám mươi hai triệu một trăm mười ngàn) đồng gồm các khoản sau:

Số tiền 16.453.100.000 đồng bà Phạm Đoàn Ngọc T2 đã nhận của 24 lần bà Lâm Ngọc M chuyển khoản, nộp tiền mặt vào các tài khoản số 0421003739101 tại ngân hàng TMCP N (VCB), tài khoản số 221114849278451 tại ngân hàng TMCP X (EXB) và tài khoản số 67855089 tại ngân hàng TMCP Á (AI) của bà Phạm Đoàn Ngọc T2 từ ngày 12/12/2014 đến ngày 25/5/2018

Số tiền 2.999.010.000 đồng bà Phạm Đoàn Ngọc T2 đã nhận do ông Lâm Hữu T4 nộp thay cho bà Lâm Ngọc M vào tài khoản số 0421003739101 của bà Phạm Đoàn Ngọc T2 vào ngày 16/8/2017 tại ngân hàng TMCP N với nội dung “LAM HUU THIEN (LAM NGOC MINH TRATIEN VAY) GD TIEN MAT”.

Số tiền 1.030.000.000 đồng bà Phạm Đoàn Ngọc T2 đã nhận do ông Lê Minh Đ chuyển tiền thay cho bà Lâm Ngọc M vào tài khoản số 0421003739101 của bà Phạm Đoàn Ngọc T2 tại ngân hàng TMCP N vào ngày 31/7/2017 với nội dung “CHUYEN TIEN NGOC MINH KHOAN VAY 1 TY CUA NGUYEN THI KIM HONG F/O PHAM DOAN NGOC THO B/O LE MINH DUC”

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Buộc bà Lâm Ngọc M phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Đoàn Ngọc T2 số tiền 27.816.800.000 (hai mươi bảy tỷ tám trăm mười sáu triệu tám trăm ngàn) đồng gồm các khoản tiền sau:

Số tiền 22.556.800.000 đồng bà Lâm Ngọc M đã nhận của 48 lần bà Phạm Đoàn Ngọc T2 chuyển khoản, nộp tiền mặt vào các tài khoản số 0071000616076 tại ngân hàng TMCP N (V), tài khoản số 13610000003008 và tài khoản số 16810000195999 tại ngân hàng TMCP Đ1 (B) của bà Lâm Ngọc M từ ngày 04/5/2015 đến ngày 28/5/2018.

Số tiền 490.000.000 đồng bà **Lâm Ngọc M** đã nhận của bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** thông qua việc bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** nộp tiền mặt vào tài khoản số 16810000144414 ông **Cao Tấn T3** tại **ngân hàng TMCP Đ1** vào ngày 29/9/2017 với nội dung “NOP TIEN”.

Số tiền 2.800.000.000 đồng bà **Lâm Ngọc M** đã nhận của bà **Phạm Đoàn Ngọc T2**, do ông **Huỳnh Đông H** nộp tiền mặt thay cho bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** vào tài khoản số 0071000616076 tại **ngân hàng TMCP N** của bà **Lâm Ngọc M** vào ngày 16/10/2017 với nội dung “PHAM DOAN NGOC THO NOP// NGUOI NOP HUYNH DONG HOA GD TIEN MAT”.

Số tiền 1.970.000.000 đồng bà **Lâm Ngọc M** đã nhận của bà **Phạm Đoàn Ngọc T2**, do ông **Huỳnh Đông H** nộp tiền mặt thay cho bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** vào tài khoản số 013610000003008 tại **ngân hàng TMCP Đ1** của bà **Lâm Ngọc M** vào ngày 14/3/2018 với nội dung: “HUYNH DONG HOA F0 - LAM NGOC MINH - PHAM DOAN NGOC THO NOP TK”.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Lê Đức A** Tuy nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 04/10/2024, bị đơn bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn vì cho rằng những khoản chuyển tiền từ bị đơn cho nguyên đơn là để chuyển trả cho một giao dịch khác không liên quan đến tranh chấp này.

Bị đơn không rút đơn kháng cáo, không rút đơn phản tố và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn vì cho rằng những tờ giấy vay tiền chỉ là xác nhận lại nội dung đã chuyển khoản, không phải là một khoản vay mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Về việc giải quyết vụ án: Với những chứng cứ đã thu thập, lời khai, tranh luận tại phiên tòa cho thấy đủ cơ sở để xác định giữa hai bên đã thực hiện các giao dịch như đã nêu ở bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử như trên là đúng pháp luật nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định

- **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đơn kháng cáo của bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** và người đại diện hợp pháp của bà **Lâm Ngọc M** là ông **Lê Đức Anh T1** trong hạn luật định, trong phạm vi ủy quyền, hợp pháp nên được chấp nhận về hình thức.

[2] Tòa án nhân dân Quận 1 xác định đúng quan hệ tranh chấp, xét xử đúng thẩm quyền, triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Đông H**, ông **Cao Tấn T3**, ông **Lê Minh Đ**, ông **Lâm Hữu T4** có đơn xin vắng mặt. Việc xét xử xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Xem xét kháng cáo và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, hai bên đều thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các giao dịch chuyển tiền qua lại như án sơ thẩm đã nêu, bị đơn có ký vào giấy vay tiền như án sơ thẩm đã nêu nhưng cho rằng việc ký vào các tờ giấy này là để xác nhận lại khoản vay từ chuyển khoản. Bị đơn không có gì chứng minh việc ký vào các tờ giấy vay tiền là để hợp pháp lại việc chuyển khoản và trong nội dung các giấy vay tiền, trong các lần chuyển khoản cũng không đề cập đến việc phải ký lại xác nhận cho các lần chuyển khoản. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định giao dịch với hình thức chuyển khoản và giao dịch với hình thức văn bản là hai khoản giao dịch khác nhau. Do đó, đủ cơ sở để xác định rằng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các giao dịch chuyển khoản và xác lập các hợp đồng vay tiền trực tiếp với nhau như án sơ thẩm đã nhận định.

Cụ thể:

- 11 giấy mượn tiền do bị đơn ký và viết: ngày 13/12/2014 mượn số tiền 1.500.000.000 đồng, ngày 13/01/2015 mượn số tiền 500.000.000 đồng, ngày 19/01/2015 mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 16/03/2015 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, ngày 19/3/2015 mượn số tiền 200.000.000 đồng, ngày 25/5/2015 mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 07/9/2015 mượn số tiền 3.000.000.000 đồng, ngày 30/9/2015 mượn số tiền 800.000.000 đồng, ngày 12/11/2015 mượn số tiền 3.000.000.000 đồng, ngày 01/02/2016 mượn số tiền 1.500.000.000 đồng, ngày 21/3/2016 mượn số tiền 1.500.000.000 đồng;

- 79 giao dịch chuyển khoản, nộp tiền mặt do hai bên trực tiếp, nhờ người khác chuyển vào tài khoản của của nhau, trong đó có 01 giao dịch bị đơn chuyển tiền cho nguyên đơn thông qua chuyển vào tài khoản của ông **Cao Tấn T3** theo bảng tổng hợp số liệu do hai bên xác nhận ngày 13/6/2023, gồm:

+ Nguyên đơn 28 lần chuyển tiền, nộp tiền mặt vào các tài khoản số 67855089 tại **Ngân hàng TMCP Á**, tài khoản số 0421003739101 tại **Ngân hàng TMCP N**, tài khoản số 221114849278451 tại **Ngân hàng TMCP X** của bị đơn

+ Bị đơn 51 lần chuyển tiền, nộp tiền mặt vào tài khoản số 0071000616076 tại **Ngân hàng TMCP N**, tài khoản số 16810000195999 và tài khoản số 13610000003008 tại **ngân hàng TMCP Đ1** của nguyên đơn.

Các giấy mượn tiền đều thể hiện nội dung “tôi có mượn của cô **Lâm Ngọc M** số tiền...” và kèm lãi suất, hạn khi nào yêu cầu trả thì báo trước 01 tháng. Những nội dung này đã thể hiện đầy đủ nội dung có giao dịch vay mượn tiền, mà không phải làm giấy giao nhận tiền riêng. Do đó, ý kiến của bị đơn về việc các giao dịch bằng giấy vay, mượn tiền chỉ là hợp pháp hóa lại việc chuyển tiền và thực tế không có giao nhận tiền, là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản giao dịch bằng văn bản: Tổng số tiền vay bị đơn xác nhận nợ theo 11 giấy mượn tiền tổng cộng là 16.000.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện xác nhận việc bị đơn đã trả 1.000.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc còn nợ là 15.000.000.000 đồng, là có cơ sở.

Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự như sau: “*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm và lãi suất này không thay đổi cho đến hôm nay.

Hai bên vay có thỏa thuận lãi suất vượt quá 150% lãi suất cơ bản. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc với mức lãi suất 9%/năm, tạm tính trên dư nợ gốc từ ngày 07/3/2020, là có lợi cho phía bị đơn, nên chấp nhận.

[2.2] Đối với giao dịch chuyển khoản giữa nguyên đơn cho bị đơn: Hai bên đều thừa nhận đã thực hiện các lần chuyển khoản trực tiếp hoặc nhờ người khác chuyển khoản như án sơ thẩm nhận định với số tiền 20.482.110.000 đồng, nên án sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên và nghĩa vụ chậm trả, là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn

[3.1] Các bên đều thừa nhận bị đơn chuyển khoản hoặc nhờ người khác chuyển khoản cho nguyên đơn 51 lần với tổng số tiền là 27.816.800.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng đây là chuyển khoản cho các giao dịch khác nhưng nguyên đơn không chứng minh được cho lời khai của mình. Nội dung chuyển khoản cũng không thể hiện việc chuyển để thanh toán cho các khoản vay của bị đơn với nguyên đơn. Do đó, giao dịch giữa bị đơn và nguyên đơn thỏa mãn tính chất của hợp đồng mượn tài sản, nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn số tiền trên theo quy định tại Điều 494 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Căn cứ quy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị Quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 9 năm 2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, không có cơ sở để chấp nhận những yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là đúng pháp luật, nên chấp nhận

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên phía nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 77, Điều 92, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 272, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 256, Điều 280, Điều 281, 494 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà **Lâm Ngọc M.**
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Phạm Đoàn Ngọc T2.**
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 861/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà **Lâm Ngọc M** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2023/0044895 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **M** đã nộp đủ án phí.

Bà **Phạm Đoàn Ngọc T2** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2023/0044893 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **T2** đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Quách Hữu Thái